

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **60L-2597** Số quản lý: 6001S-021129
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô xi téc (Chở mủ cao su)

Nhãn hiệu: (Mark) KAMAZ

Số loại: (Model code) 53229

Số máy: (Engine Number) 217314

Số khung: (Chassis Number) XTC53229C3-2185468

Năm, Nước sản xuất: 2003, Nga Niên hạn SD: 2028
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 6x4 Vết bánh xe: 2050/1890 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 8250 x 2500 x 3250 (mm)

Kích thước bao thùng xe (Outside cargo container dimension)
5750x2250x1450 (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3690+1320 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 10200 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 12000/12000 (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 22395/22395 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 10850 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 176(kW)/2200vph

Số sê-ri: (No.) EA-0804383 726836462677

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 10.00R20

2: 4; 10.00R20

3: 4; 10.00R20

Đồng Nai, ngày 21 tháng 6 năm 2022

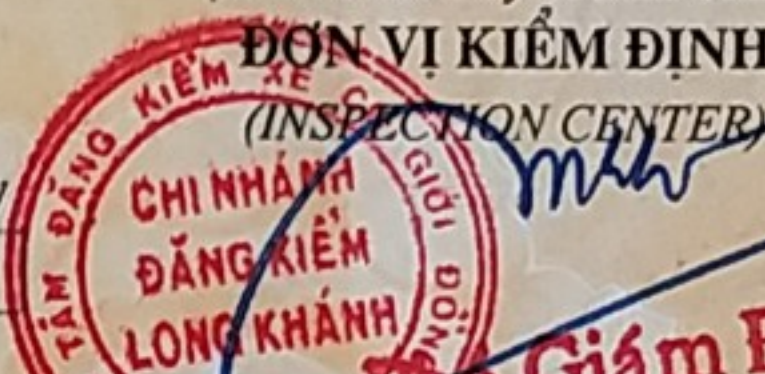
Số phiếu kiểm định (Issued on: Day/Month/Year)

(Inspection Report No)

6002S-14208/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 20/12/2022



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: EA 0804383

CÔNG AN ĐỒNG NAI
Phòng CSGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: A 0036854

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Tên chủ xe: CÔNG TY CAO SU CÔNG NGHIỆP

Nơi thường trú: Xuân Tân Long Khánh

Nhãn hiệu: KAMAZ

Số loại:

Loại xe: Siéc

Màu sơn:

Ghi

Số máy: 217314

Số khung:

32185468

Tự trọng:

kg

Tải trọng: - Hàng hóa: 12000

kg

- Số chỗ ngồi: 03

(Kể cả lái phụ xe)

Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2003

Biển số:

Trưởng phòng

60L-2597

Đăng ký lần đầu
ngày

Trung tá: *[Signature]*
[Signature]

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý!

- 1- Phải nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ giao thông.
- 2- Khi mua, bán, cho, tặng xe phải làm thủ tục sang tên đổi chủ.
- 3- Phải khai báo cơ quan CSGT nơi đăng ký xe những trường hợp dưới đây:
 - Thay đổi toàn bộ màu sơn xe; vẽ dán quảng cáo trên xe; thay đổi tổng thành máy, khung xe; xe hỏng nát không lưu hành, thay đổi hệ thống lái, phanh, hệ thống treo, hệ thống truyền động; xe bị mất, mất biển số hoặc đăng ký xe.

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

№: KC 7177217

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **60C-277.07** Số quản lý: **6001S-027205**
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
 Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (có mui)
 Nhân hiệu: (Mark) KAMAZ
 Số loại: (Model code) 53229/KM
 Số máy: (Engine Number) 239587
 Số khung: (Chassis Number) XTC53229C3-2202312
 Năm, Nước sản xuất: 2003, Nga Niên hạn SD: 2028
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)
 Hiệu lực đến hết ngày (Valid until) **09/06/2019**

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)
 1: 2; 11.00R20
 2: 4; 11.00R20
 3: 4; 11.00R20

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2018
 (Issued on: Day/Month/Year)

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
6002S-16082/18



2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 6x4 Vết bánh xe: 2050/1890 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 9830 x 2500 x 3800 (mm)
 Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)
 7300x2380x2450 (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 4470+1320 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 9300 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 14246/14246 (kg)
 (Design/Authorized pay load)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 23746/23746 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 10850 (cm³)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 177(kW)/2200vph
 Số sê-ri: (No.) **KC-7177217** 9861139626



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI

Dong Nai Province's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): **0 1 5 7 9 8**

Tên chủ xe (Owner's full name):

CT TNHH MỘT THÀNH VIÊN C.SU CN

Số máy (Engine N°):

239587

Địa chỉ (Address):

Xã Xuân Tân, Thị Xã Long Khánh

Số khung (Chassis N°):

229032202312

Nhãn hiệu (Brand):

KAMAZ

Số loại (Model code):

10850

Loại xe (Type):

Tải thùng có mui phủ

Dung tích (Capacity):

Màu sơn (Color):

Ghi

Tải trọng: Hàng hoá: **14246** kg;

Số chỗ ngồi (Sit): **3**

dùng (Stand):

năm (Lie):

Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry):

31/12/2028

Đồng Nai, ngày (date)

10 tháng

06 năm

2016

Biển số đăng ký (N° Plate)

(T)

60C-277.07



Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

17/05/2009

Thiếu tá Trần Trọng Thủy